



THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC HỌC SINH BỎ HỌC Ở TỈNH ĐẮK LẮK

• PGS.TS. NGUYỄN THUY HỒNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

I. Điều kiện kinh tế, xã hội tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk có diện tích rộng trên 13.000 km², gồm 13 huyện, 1 thành phố, 180 xã, 26 phường thị trấn, dân số khoảng 1.800.000 người với trên 44 dân tộc, số lượng đồng bào dân tộc chiếm 30% dân số, chủ yếu là đồng bào Ê-đê, Mơ-nông. Thu ngân sách năm 2007 trên 1700 tỉ đồng (tăng 1,7% so với năm trước) nhưng vẫn là một tỉnh nghèo phải nhận trợ cấp của Trung ương trên 3.000 tỉ đồng/năm.

Đời sống của người dân chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông lâm (cà phê, hồ tiêu, cao su, bắp, mì...) nên mức sống không ổn định. Tỷ lệ hộ nghèo đói chiếm trên 70%, chủ yếu là hộ đồng bào dân tộc (trong đó đồng bào dân tộc tại chỗ chiếm hơn 50% số hộ nghèo). Mặc dù có nhiều chính sách hỗ trợ của nhà nước (các chương trình 134, 135...) nhưng vấn đề nâng cao đời sống nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn vì đồng bào dân tộc thường làm ăn theo thói quen, tập tục lâu đời.

Trong ba huyện (Krông Buk, Krông Bông, huyện Lak) có hiện tượng học sinh (HS) bỏ học tiêu biểu cho Đắk Lắk thì Krông Buk là huyện có điều kiện thuận lợi hơn cả. Huyện có 64.000 hecta đất tự nhiên, 154.000 dân với 15 xã và thị trấn (gồm 230 buôn, trong đó 72 buôn là đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là người Ê-đê và Mơ-nông). Người dân trong huyện chủ yếu trồng cây cà phê nên mấy năm nay đời sống có ổn định hơn. Hai huyện Krông Bông và Lak có điều kiện khó khăn hơn (hai huyện vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn) chủ yếu trồng cây lương thực như lúa, bắp, diện tích trồng cây cà phê, hồ tiêu, cao su không nhiều. Huyện Krông Bông có tổng diện tích 125.749 hecta, dân số 86.000 người, chủ yếu là người dân tộc Ê-đê và Mơ-nông. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 56%. Huyện Lak khó khăn hơn vì địa bàn rộng lại xa trung tâm tỉnh, dân số 60.000 người, dân tộc thiểu số hơn 34.000 người trong đó 65% đồng bào dân tộc tại chỗ chủ yếu là Mơ-nông và Ê-đê. Điều đặc biệt ở đây là đồng bào dân tộc thiểu số thường di cư từ các vùng cao miền Bắc khá nhiều, nơi ăn ở chưa ổn định nên rất khó quản lý về mọi mặt. Tỷ lệ hộ nghèo đói khoảng 37%.

II. Thực trạng HS bỏ học ở tỉnh Đắk Lắk

Số HS bỏ học toàn tỉnh Đắk Lắk trong các năm gần đây dao động từ 1,9 đến 2,3 %. Tổng kết cuối học kỳ 1 năm học 2007-2008, tiểu học có tổng số 220.261 HS, cuối kỳ giảm 1.333 em nhưng chỉ có 727 HS bỏ học hẳn (không quay lại) trong đó số HS dân tộc bỏ học là 608 em, chiếm trên 80%. Trong số HS tiểu học bỏ học có 227 em bỏ học do kinh tế khó khăn, 340 em bỏ học do học lực quá yếu hoặc lười học, 160 em bỏ học do lớn tuổi. HS tiểu học ở Đắk Lắk bỏ học ít hơn so với các cấp học khác và chủ yếu ở lớp 1, 2, tập trung nhiều ở các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn (Lak, Krông Buk, Krông Bông, Ea H'Leo...). Ở THCS, đầu năm có 163.298 HS, cuối học kỳ 1 chỉ còn 160.399 em, giảm 2.899 em, trong đó có 2.580 HS bỏ học. Trong số HS bỏ học có 1.598 em là HS dân tộc, chiếm trên 70%.

Tại huyện Krông Buk, hiện tượng HS ở vùng đồng bào dân tộc bỏ học vượt quá mức 1,5% và là hiện tượng vẫn xảy ra hàng năm. Năm học 2006-2007, ở tiểu học có 540/20.000 HS bỏ học (2,59%), trong đó có 436 HS dân tộc thiểu số; ở THCS có 749 HS bỏ học (4,8%), trong đó có 306 HS dân tộc thiểu số. Đến tháng 3 năm học 2007-2008, tỷ lệ HS tiểu học bỏ học chỉ còn 1,31%, THCS là 4,3% (660/15.070 HS trong đó có 350 HS đồng bào dân tộc thiểu số), ở THPT là 2,6%. Nhìn chung số HS bỏ học đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực, năm học 2007-2008 đã giảm hơn so với các năm trước, riêng số HS THCS bỏ học còn chiếm tỷ lệ lớn. HS bỏ học nhiều nhất tập trung ở các xã Cư pơng, EaSin và Ea Krông, chủ yếu là nhóm HS dân tộc di cư theo cha mẹ đi làm ăn. Tại trường THCS Ngô Gia Tự xã Easin, số HS bỏ học năm học 2007-2008 là 52 em (chiếm 8%), trong đó HS dân tộc là 46/52 em (chiếm 88%) cao hơn so với những năm trước. Số HS bỏ học rải đều ở các khối lớp (khối lớp 6: 11 em, khối lớp 7: 15 em; khối lớp 8: 13 em; khối lớp 9: 13 em). HS bỏ học chủ yếu là người dân tộc (tỷ lệ từ 80% đến 94 % giữa các năm học).

Tại huyện Krông Bông, năm học 2007-2008 toàn huyện có 821 lớp học các cấp với 24.978 HS (mẫu giáo: 2.736 HS, 116 lớp; tiểu học: 11.235 HS, 432 lớp; THCS: 7.523 HS, 202 lớp;



THPT: 3.484 HS, 71 lớp). So với năm học 2006-2007, trong toàn huyện giảm 7 lớp với 467 HS (chủ yếu tập trung ở bậc tiểu học do tỉ lệ tăng dân số giảm). Năm học 2006-2007, tỉ lệ HS bỏ học của huyện là 2,96%.

Tại huyện Lak, trong những năm vừa qua HS bỏ học tương đối nhiều. Đến tháng 4 năm 2008, số HS mầm non, tiểu học và THCS bỏ học trong toàn huyện là 552/14563 em (tỉ lệ 3,9%) trong đó HS tiểu học bỏ học là 245/7684 em (tỉ lệ 3,1%); HS THCS bỏ học 243/4521 em (tỉ lệ 5,1%). Trong địa bàn huyện, các trường có HS bỏ học nhiều như: THCS Trần Quốc Toàn (16,13%), THCS Chu Văn An (9,1%); Trường tiểu học Lê Hồng Phong (9,97%), trường tiểu học Y Jút (5,07%).

III. Các nguyên nhân HS bỏ học ở tỉnh Đắk Lắk

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS bỏ học ở tỉnh Đắk Lắk, trong đó nổi bật lên là các nguyên nhân cơ bản sau:

- *Do học lực yếu:* Theo ghi nhận từ thực tế, số HS bỏ học đầu cấp tiểu học chủ yếu là HS các dân tộc thiểu số không được chuẩn bị tốt về tiếng Việt. Nguyên nhân sâu xa nằm ở chất lượng giáo dục HS mẫu giáo ở độ tuổi bắt buộc đến lớp. Ở Đắk Lắk, hầu như buôn nào cũng có lớp mẫu giáo, thậm chí một số trường tiểu học có lớp mẫu giáo lớn tuổi (trường Lê Thị Hồng Gấm), hoặc các em được gửi học dự thính với HS lớp 1 để chuẩn bị trước về tiếng Việt. Tuy nhiên, GV mẫu giáo và tiểu học hầu hết là người Kinh không biết tiếng dân tộc nên việc dạy trẻ em tiếng Việt rất khó khăn. Bên cạnh đó, do tính chất xã hội hoá của giáo dục mầm non nên rất khó huy động trẻ đến lớp đủ. Do không được chuẩn bị tốt về tiếng Việt nên HS dân tộc ở Đắk Lắk theo học những năm đầu cấp tiểu học rất khó khăn. Kết quả là nếu cho lên lớp thì có hiện tượng ngồi nhầm lớp, nếu ở lại lớp thì có em học lớp 1 đến vài năm dẫn đến kết quả chung là cả 2 diện này đều chán học. Số HS tiểu học bỏ học ở các điểm trường tiểu học trong diện nghiên cứu chủ yếu là đối tượng HS lớp 1, 2. Chúng tôi đã kiểm tra ngẫu nhiên 5,6 HS lớp 1 ở các trường trong diện khảo sát thì trong số này có tới 1, 2 HS không thể đọc được, 1, 2 HS đọc ngắt ngứ (không đọc được các từ có 2 nguyên âm trở lên như mùa, hoạch, khuya..), chỉ có khoảng 2 em đọc thông được. Những HS ở các lớp trên (lớp 4, 5 hoặc các lớp THCS) phần đông bỏ học là do nhận thức chậm hoặc do trình độ tiếng Việt không tốt (ở lại lớp nhiều năm, ngồi nhầm lớp). Theo các GV, trước khi bỏ học, HS thường có biểu hiện giống nhau là: khả năng nghe hiểu bài học kém, học không tập trung, đi học không chuyên cần, hổng kiến thức nhiều và học lực yếu. Các em không theo được chương trình và

chán nản dẫn đến bỏ học. Việc thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả hoạt động chống bệnh thành tích trong giáo dục cũng là một trong những nguyên nhân khiến HS lưu ban nhiều dẫn đến chán nản và bỏ học. Những trường hợp có học lực yếu thường bỏ học và không quay lại học nữa hoặc nếu được vận động các em cũng quay lại học vài buổi rồi lại nghỉ. Ở huyện Krông Bông, 52,96% HS bỏ học vì học lực yếu. Ở huyện Lak, nhóm HS bỏ học ở trường THCS Lê Lợi (xã Jang Tao) khi được phỏng vấn đều nêu ra lí do khiến các em bỏ học là học lực kém, tiếp thu bài chậm hoặc do ở lại lớp nên không thích đi học nữa.

- *Do HS nghỉ học theo mùa vụ* (đi làm phụ giúp gia đình hoặc để kiếm tiền). Ở Tây Nguyên, HS nghỉ học nhiều vào thời điểm sau Tết (mùa tra hạt), tháng 3 (mùa làm rẫy) và mùa thu hoạch. Thời gian này, các em nghỉ từ 1 tuần đến 1 tháng dẫn đến tình trạng kiến thức thiếu hụt và không theo kịp chương trình nên các em chán nản và bỏ học. Phần nữa, ở Đắk Lắk hiện nay lao động chân tay (nhặt cỏ, cày xới đất, tra hạt, thu lượm cây trái...) rất thiếu nên ngày công lao động cao, trung bình 80.000 đồng/người/ ngày và trẻ em cũng tham gia được. Đa số HS bỏ học được phỏng vấn đều cho rằng bỏ học vẫn có thể lao động kiếm sống được nên bỏ học luôn không quay lại trường nữa. Có phụ huynh còn nói "không có học không chết nhưng không có ăn thì chết" nên cũng muốn con cái ở nhà phụ giúp cha mẹ lao động.

- *Do đặc thù của HS dân tộc tại chỗ ở Đắk Lắk là quen sống tự do*, ít bị ràng buộc bởi tôn ti trật tự trong gia đình nên việc đi học của các em cũng không bị gia đình quản lí. Các em thường chỉ học bài tại lớp và không có thói quen học bài ở nhà. Đến lớp, nếu bị GV nhắc nhở nhiều là các em tự ái và bỏ học. Đây cũng là một nguyên nhân cho thấy HS dân tộc bằng lòng với cuộc sống hiện tại, không có ước mơ hoài bão, không có động cơ học tập.

Ở các gia đình dân tộc có con em bỏ học, khi được hỏi thì các bậc cha mẹ đều nói rằng rất muốn con đi học để có hiểu biết sau này làm cán bộ nhưng vận động, mắng mỏ mãi các em không đi học lại nên gia đình đành chịu. Bên cạnh đó, theo truyền thống của đồng bào dân tộc tại chỗ, các em sớm phải tự lo cuộc sống của bản thân. Nếu muốn có tiền tiêu riêng thì các em phải bỏ học đi làm thuê, hoặc lớn tuổi hơn là nghỉ đến chuyện lập gia đình. Tuy nhiên, số HS nghỉ học để xây dựng gia đình chủ yếu là các em HS nữ lớn tuổi.

Ở trường THCS Ngô Gia Tự, xã Cư Pong huyện Krông Buk, số HS bỏ học nhiều nhất ở khối 9: 13/149 HS, (chiếm 8,7%), và giảm dần ở các khối lớp nhỏ hơn, khối 8: 13/175 HS (chiếm 7,4%), khối 7: 15/239 HS (chiếm 6,3%), khối 6:



11/259 HS (chiếm 4,2%). HS bỏ học của trường chủ yếu là HS dân tộc 46/52 em. Nguyên nhân khiến đa số HS bỏ học không phải do nghèo đói hay có khó khăn mà vì đây là vùng trồng cà phê trừ phú nhất của tỉnh và rất thiếu lực lượng lao động. Các em HS thường nghỉ học ở nhà làm giúp gia đình (nhà có nhiều diện tích trồng cà phê) hoặc đi làm thuê kiếm tiền (vì ngày công lao động rất cao khoảng 80.000 đồng/người/ngày) hoặc do học yếu và không thích học. 2/3 số HS bỏ học ở trường THCS Ngô Gia Tự đều có điều kiện gia đình khá giả. Khi được hỏi, các em đều nói ở nhà thoải mái hơn đi học, đi học đau đầu, mệt mỏi.

- Do GV ở Đăk Lăk chủ yếu là người Kinh và là người ở nơi khác đến: Các GV này chưa được chuẩn bị đầy đủ những hiểu biết về đối tượng HS là đồng bào dân tộc tại chỗ (ngôn ngữ, phong tục tập quán, truyền thống văn hoá) vì thế không có phương pháp dạy học phù hợp. Theo lãnh đạo địa phương, đây là một trong những nguyên nhân khiến chất lượng dạy và học ở vùng dân tộc bị giảm sút. Ở các lớp mầm non và đầu cấp tiểu học, GV người Kinh không biết tiếng dân tộc đã thực sự không hỗ trợ hiệu quả hoạt động chuẩn bị vốn tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc. Ở các khối lớp lớn tiểu học và THCS, GV nói nhanh, nhiều từ và nội dung học tập HS không hiểu dẫn đến việc HS càng ngày càng học đuối đi.

- Do hoạt động dạy và học ở nhà trường chưa hấp dẫn, không thực sự là môi trường lôi kéo HS đến lớp. Hầu như tất cả HS đều nhận thấy chương trình học tập còn cứng nhắc, chủ yếu là hoạt động học tập kiến thức, ít thời gian để HS tham gia các hoạt động phát triển thể chất hay tinh thần, tình cảm. Các GV đều cho rằng chương trình sách giáo khoa hiện tại là cao, dung lượng nhiều và không hấp dẫn HS dân tộc.

- Ở một số xã thuộc vùng dự án 123, điều kiện địa lí khó khăn, phạm vi xã rộng, nhiều sông suối nên vào mùa mưa HS nghỉ học nhiều. Điểm nổi bật ở huyện Krông Bông, nơi có nhiều đồng bào dân tộc phía Bắc di cư vào làm ăn, HS THCS bỏ học nhiều hơn so với tiểu học vì trường quá xa nơi ở (bán kính 17 đến 20 km). Trong địa bàn huyện, HS tiểu học bỏ học nhiều ở đầu cấp do không theo học được vì ngôn ngữ, HS THCS bỏ học nhiều ở đầu cấp (do học lực kém từ tiểu học). Số HS bỏ học chủ yếu là đối tượng đồng bào dân tộc di cư (mới ở Bắc vào, đời sống chưa ổn định, quen định cư ở vùng núi cao, đi lại khó khăn).

- HS bỏ học do đua đòi, rủ rê theo nhau: Diện HS này thường bỏ học theo nhóm cùng chơi với nhau, nhóm ở cùng địa bàn hoặc do trong gia đình đã có một HS bỏ học thì các anh chị em cũng bỏ học theo.

- Do hoàn cảnh gia đình khó khăn: Hầu hết HS bỏ học đều có hoàn cảnh khó khăn như bố hoặc mẹ hoặc cả bố mẹ chết, nhà đông anh em, gia đình có nhiều em nhỏ, thiếu người lao động... Ở huyện Krông Bông có tới 41,45% HS bỏ học vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn (2/3 HS ở THCS Hoà Sơn huyện Krông Bông), do bố mẹ li dị, ốm đau... Ở trường THCS Lê Lợi (xã Jang Tao, huyện Lak) năm học 2007 - 2008 có 6 HS bỏ học do hoàn cảnh khó khăn (chiếm 40% tổng số HS bỏ học); 2 HS bỏ học do bệnh tật (chiếm 13,6%). Đa số các HS này sau khi nghỉ học thì chuyển qua học phổ cập, bổ túc, một số HS bỏ học ở nhà làm việc giúp đỡ gia đình nhưng vẫn có khát vọng được đến trường học tập (4/5 HS ở THCS Cư Pui đã bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình đều hứa sang năm sẽ quay lại trường học tập vì vẫn thích đi học).

IV. Các giải pháp khắc phục tình trạng HS bỏ học ở tỉnh Đăk Lăk

1. Các giải pháp đã thực hiện

- Chủ yếu là phối hợp với chính quyền và các đoàn thể vận động tuyên truyền trong đồng bào, nhất là với vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc. Bốn năm gần đây, các cấp chính quyền vẫn thường xuyên đưa vấn đề lưu ban bỏ học ra họp hội đồng nhân dân hay giao ban xã, huyện, tỉnh hàng tháng; tổ chức hội thảo chuyên đề về HS lưu ban bỏ học; tổ chức cho phụ huynh cam kết với GV chủ nhiệm, GV bộ môn và nhà trường chống HS bỏ học giữa chừng; nâng cao nhận thức về học tập cho HS trong những buổi sinh hoạt lớp, trong giờ chào cờ, sinh hoạt đoàn, đội. Nhà trường và chính quyền đã có nhiều đợt tới tận buôn thôn nhằm vận động HS bỏ học quay lại trường nhưng chỉ vận động được một số rất ít HS quay lại học tập.

- Lấy ngăn ngừa là chính, phát động các trường lập danh sách HS có nguy cơ bỏ học hoặc HS có hoàn cảnh khó khăn để có biện pháp hỗ trợ giúp các em tiếp tục học tập (hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ học tập). Bên cạnh đó, các nhà trường đã họp GV chủ nhiệm, GV bộ môn, họp hội đồng nhà trường để quán triệt và đưa việc duy trì sĩ số vào thi đua của GV chủ nhiệm hoặc tiêu chí thi đua, xếp loại GV.

- Hỗ trợ học bổng, sách vở... cho HS dân tộc. Đầu năm học, các em được phát không sách vở, đồ dùng học tập, một số em được hỗ trợ học bổng. Tuy nhiên, có nhiều HS sau thời điểm nhận các chế độ cấp phát đầu năm (tiền, sách vở) rồi bỏ học luôn, một số khác cố đi học đến thời điểm nhận học bổng đợt 2 (đầu học kì 2) rồi lại bỏ học ngay sau khi nhận kinh phí để đi làm rẫy, một số khác sang năm có quay lại học và lặp lại điệp khúc bỏ học như năm trước.

- Ở tiểu học, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công văn 896 (giảm tải) của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên toàn tỉnh được hơn hai năm, tổ chức tập huấn cho GV cốt cán theo tinh thần công văn. Kết quả là chất lượng hai môn Toán và tiếng Việt được nâng cao hơn so với trước.

- Tăng cường các lớp học bổ túc, phổ cập cho phù hợp với điều kiện sống, làm việc và tầm nhận thức của đồng bào. Xã Đăk Phơi (huyện Lak) là một trong những trường THCS có ít HS bỏ học hẳn vì các đối tượng bỏ học đều được vận động đến học bổ túc hoặc phổ cập buổi tối. Trường cùng địa phương duy trì rất tốt hoạt động của khối bổ túc phổ cập buổi tối, HS theo học đông phần vì vui, phần vì phù hợp với điều kiện địa phương là vẫn đi làm ban ngày được.

- Tăng cường huy động trẻ mầm non đến lớp để học tiếng Việt, những nơi không có lớp mẫu giáo thì gửi HS mẫu giáo lớn vào học dự thính lớp 1 để làm quen. Theo lãnh đạo địa phương, đây là giải pháp "tình thế" không hiệu quả vì GV không thể quan tâm chu đáo tới đối tượng HS dự thính. Hơn nữa, GV người Kinh chỉ dạy trực tiếp được bằng tiếng Việt, không thể dùng tiếng dân tộc để hỗ trợ dạy tiếng Việt cho đối tượng HS dân tộc.

2. Các giải pháp sắp tới

- Tăng cường tiếng Việt cho HS dân tộc ở các lớp mầm non và đầu cấp tiểu học, cố gắng dạy từ vài tuần đến một năm tiếng Việt cho HS trước khi vào lớp 1.

- Có chế độ đặc biệt cho giáo dục vùng dân tộc, đào tạo GV song ngữ những lớp mẫu giáo lớn và đầu cấp Tiểu học, nâng cao năng lực GV về phương pháp dạy học phù hợp với vùng dân tộc.

- Cho HS được nghỉ học vào mùa tía cây, mùa tươi và thu hoạch cà phê, thu hoạch bắp.

- Tìm nguồn tài trợ để HS được học 2 buổi/ngày và có bữa ăn miễn phí buổi trưa tại trường cho HS, mở rộng bán trú dân nuôi đặc biệt ở vùng 132.

- Tăng cường cơ sở vật chất; số lượng và chất lượng phòng học, nhà công vụ cho GV ở xa để GV yên tâm giảng dạy.

- Nâng cao chất lượng và phương pháp dạy học cho phù hợp với HS dân tộc, khuyến khích GV viết sáng kiến kinh nghiệm về chống lưu ban bỏ học cũng như kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học.

- Tăng cường bồi dưỡng hè cho HS yếu kém.

V. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

Hiện tượng HS bỏ học ở Đăk Lăk vẫn thường xuyên xảy ra ở các năm nhưng năm 2008 có xu hướng giảm hơn. Chính quyền các

cấp đã quan tâm song vẫn còn lúng túng trong việc vận động HS quay trở lại học tập. Thường HS nào đã có tiền lệ bỏ học hoặc bỏ vì học lực yếu hoặc không có hứng thú học tập sau khi được vận động có thể quay lại lớp nhưng chắc chắn sẽ bỏ học tiếp. Ngoài ra, HS bỏ học theo mùa vụ là hiện tượng khó khắc phục, các em vẫn đi học nhưng đến mùa vụ thì nghỉ để đi làm kiếm tiền hoặc phụ giúp gia đình, vào năm học mới lại đến lớp học và lập lại điệp khúc bỏ học như năm trước.

2. Kiến nghị

- Cần xác định rõ khái niệm bỏ học vì hiện tượng HS bỏ học ở tỉnh Đăk Lăk có một số điểm đặc biệt (bỏ học trên 20 ngày không có lí do hoặc bỏ học không mang theo hồ sơ... nhưng số này vào đầu năm vẫn đến trường học tiếp và lại bỏ học khi đến mùa vụ).

- Tăng cường công tác quản lí HS dân tộc thiểu số để tránh hiện tượng HS dân tộc thiểu số bỏ học trở thành thói quen. Có chế độ cho HS nghỉ học vào mùa tía cây, mùa tươi và thu hoạch cà phê, bắp cho HS ở vùng sản xuất nông lâm nghiệp.

- Cần có sự hỗ trợ lâu dài cho địa phương như: ổn định đất ở, đất canh tác cho đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là đồng bào di cư từ phía Bắc; Xây dựng hệ thống điện, đường, trường, trạm hợp lí. Đặc biệt, tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện dạy học cho các nhà trường để có thể thực hiện được chương trình và sách giáo khoa mới; Xây dựng các cụm văn hoá hoặc điểm sinh hoạt cho thanh thiếu niên; Tăng cường chế độ đãi ngộ và bồi dưỡng năng lực cho GV; Tăng cường tổ chức các lớp phụ đạo cho HS học yếu kém và có chế độ cho GV dạy các lớp này.

- Cần quan tâm hơn nữa việc tăng cường dạy tiếng Việt cũng như giáo dục song ngữ ở các lớp đầu tiểu học và mầm non. Đẩy mạnh giáo dục mầm non tại các vùng khó khăn và vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

- Linh hoạt về chương trình, kế hoạch năm học cho nhà trường, có kế hoạch biên soạn và tập huấn phương pháp dạy học vùng miền cụ thể hơn.

- Tăng cường dạy học 2 buổi/ngày với các trường tiểu học và THCS, mở rộng trường bán trú dân nuôi đặc biệt ở vùng 132, phối hợp khai thác tối đa cơ sở vật chất của hệ thống trường dân tộc nội trú.

SUMMARY

The article deals with school drop-outs in Dak Lak. In her article she writes about the socio-economic conditions of Dak Lak, the status quo, causes of premature school leaving and some solutions to the problem in Dak Lak Province.